

Số: 25 /2021/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý
chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây
dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28
tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây
dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1836/TTr-SXD
ngày 01 tháng 10 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2021 và thay thế: Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về phân công, phân cấp thực hiện bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Huyện, Thành phố các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- CT và các PCT/ UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT Tỉnh, Công báo Đồng Tháp;
- Lưu: VT, NC/ĐT XD (BTP).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Trí Quang

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định một số nội dung phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này ngoài việc thực hiện Quy định này còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

4. Quy định này không áp dụng đối với các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Phân công quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng:

a) Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn Tỉnh.

b) Quản lý đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng, dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị), dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp khác được thực hiện trên địa bàn Tỉnh; trừ các công trình quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các quy định về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của các Sở, ban, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các chủ thể tham gia xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng công trình; kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình.

2. Sở Giao thông Vận tải quản lý đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông trừ các công trình quy định tại khoản 1, khoản 5, khoản 6 Điều này.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn trừ các công trình quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

4. Sở Công Thương quản lý đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp trừ các công trình quy định tại khoản 1, khoản 5, khoản 6 Điều này.

5. Ban quản lý Khu kinh tế quản lý đối với các công trình trong khu công nghiệp; các công trình được giao quản lý trực tiếp trong khu kinh tế, cụm công nghiệp (đã được giao đất).

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý đối với các công trình trên địa bàn theo phân cấp của Quy định này; chỉ đạo, kiểm tra cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Điều 3. Chế độ báo cáo định kỳ về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân Tỉnh về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn Tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác, Ban quản lý Khu kinh tế và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Chương II

KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 4. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh (Sở Xây dựng; Sở Giao thông Vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu kinh tế) kiểm tra công tác nghiệm thu các

công trình xây dựng thuộc đối tượng phải kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và theo trách nhiệm quản lý quy định tại Điều 2 Quy định này, trừ các công trình quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các công trình quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các dự án có công trình từ cấp III trở xuống thuộc đối tượng phải kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

3. Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chương III

BẢO TRÌ, ĐÁNH GIÁ AN TOÀN, XỬ LÝ CÔNG TRÌNH CÓ DẤU HIỆU NGUY HIỂM, HẾT THỜI HẠN SỬ DỤNG

Điều 5. Trách nhiệm bảo trì đối với công trình dân dụng

1. Trách nhiệm bảo trì công trình nhà ở thực hiện theo quy định của Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn Luật Nhà ở của Trung ương và địa phương.

2. Đối với công trình giáo dục:

a) Các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở - trung học phổ thông, trường chuyên biệt, trung tâm giáo dục thường xuyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Thủ trưởng đơn vị được giao quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức bảo trì, trực tiếp thực hiện sửa chữa thường xuyên, định kỳ đối với công trình có tổng chi phí sửa chữa dưới 300 triệu đồng sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên;

- Thủ trưởng đơn vị được giao quản lý, sử dụng lập danh mục trình Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, tổ chức sửa chữa thường xuyên, định kỳ đối với công trình có tổng chi phí sửa chữa từ 300 triệu đồng trở lên sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn ngân sách nhà nước.

b) Các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề thuộc Tỉnh quản lý, Thủ trưởng các đơn vị được giao quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức bảo trì công trình;

c) Các trường từ ngành học mầm non đến trung học cơ sở; các trung tâm dạy nghề - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, bồi dưỡng chính trị thuộc cấp huyện quản lý, Thủ trưởng các đơn vị được giao quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức bảo trì công trình theo dạng sửa chữa thường xuyên

hàng năm; đối với sửa chữa định kỳ lập danh mục trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, tổ chức bảo trì.

3. Đối với công trình y tế:

a) Các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, Thủ trưởng các đơn vị được giao quản lý sử dụng có trách nhiệm tổ chức bảo trì công trình.

b) Các cơ sở y tế thuộc ngân sách Tỉnh đầu tư (trừ các đối tượng nêu tại điểm a khoản này):

- Thủ trưởng các đơn vị được giao quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức bảo trì, trực tiếp thực hiện sửa chữa thường xuyên, định kỳ đối với công trình có tổng chi phí sửa chữa dưới 300 triệu đồng, sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên;

- Thủ trưởng đơn vị được giao quản lý, sử dụng lập danh mục trình Sở Y tế tổng hợp, tổ chức sửa chữa đối với công trình có tổng chi phí sửa chữa từ 300 triệu đồng trở lên, sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên;

4. Đối với công trình thể thao, công trình văn hóa; công trình thông tin:

a) Các công trình thể thao, công trình văn hóa; công trình thông tin thuộc ngân sách Tỉnh đầu tư:

- Thủ trưởng các đơn vị được giao quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức bảo trì, trực tiếp thực hiện sửa chữa thường xuyên, định kỳ đối với công trình có tổng chi phí sửa chữa dưới 300 triệu đồng sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên;

- Thủ trưởng đơn vị được giao quản lý, sử dụng lập danh mục trình Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, tổ chức sửa chữa đối với công trình có tổng chi phí sửa chữa từ 300 triệu đồng trở lên sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn ngân sách nhà nước;

b) Các công trình thể thao, công trình văn hóa; công trình thông tin thuộc ngân sách cấp huyện đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện được giao quản lý sử dụng có trách nhiệm tổ chức bảo trì công trình.

5. Công trình trụ sở làm việc của các cơ quan quản lý hành chính, sự nghiệp cấp tỉnh (kể cả các đơn vị trực thuộc do ngành tỉnh quản lý); trụ sở làm việc của các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện; trụ sở làm việc của các cơ quan quản lý hành chính cấp huyện (kể cả các đơn vị trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các ban, ngành, đoàn thể và đơn vị sự nghiệp tương đương thuộc cấp huyện); trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức bảo trì công trình.

6. Công trình có nhiều chủ sở hữu, chủ quản lý, sử dụng phần riêng của công trình có trách nhiệm bảo trì phần sử dụng riêng của mình và có trách nhiệm

phối hợp với các chủ sở hữu, chủ quản lý, sử dụng khác bảo trì phần sử dụng chung công trình theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm bảo trì đối với công trình công nghiệp

1. Đối với công trình sản xuất vật liệu xây dựng thì đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác có trách nhiệm bảo trì công trình theo nguồn vốn của mình.

2. Đối với công trình đường dây và trạm biến áp:

a) Đơn vị truyền tải điện, phân phối điện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, kinh phí cải tạo, nâng cấp, bảo trì các đường dây, trạm biến áp, mạng truyền tải và phân phối điện hiện có để đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) hoặc tiêu chuẩn nước ngoài tương đương hoặc cao hơn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép áp dụng tại Việt Nam;

b) Tổ chức, cá nhân có đường dây, trạm biến áp riêng chịu trách nhiệm đầu tư để cải tạo, nâng cấp, bảo trì đường dây, trạm biến áp của mình khi đơn vị truyền tải điện, phân phối điện xác định đường dây, trạm biến áp riêng đó không bảo đảm tiêu chuẩn vận hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 7. Trách nhiệm bảo trì đối với công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Công trình cấp nước:

a) Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và Nước sạch nông thôn, thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức bảo trì đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn do ngân sách nhà nước đầu tư và thuộc quyền quản lý, khai thác của Trung tâm;

b) Các công trình cấp nước do Công ty cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị quản lý; các công trình cấp nước sạch thuộc các nguồn vốn khác thì chủ đầu tư, chủ sở hữu thực hiện bảo trì công trình bằng nguồn vốn của mình.

2. Công trình hạ tầng kỹ thuật trong các khu, cụm công nghiệp thì đơn vị quản lý, kinh doanh hạ tầng có trách nhiệm bảo trì.

3. Các công trình trong Khu kinh tế giao cho Ban quản lý Khu kinh tế trực tiếp quản lý (đã được giao đất), Ban quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm bảo trì công trình.

4. Công trình Đài phát thanh và truyền hình Đồng Tháp giao cho Đài phát thanh và truyền hình Đồng Tháp bảo trì.

5. Công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện đầu tư trên địa bàn hoặc do tổ chức, cá nhân đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý, sử dụng thì Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã có trách nhiệm tổ chức bảo trì.

Điều 8. Trách nhiệm bảo trì đối với công trình giao thông

1. Đối với hệ thống đường tỉnh thì Sở Giao thông vận tải tổ chức bảo trì từ nguồn kinh phí bảo trì đường bộ và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Đối với công trình giao thông đô thị, hệ thống đường huyện, đường xã thì Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị tổ chức thực hiện bảo trì.

3. Đối với hệ thống đường chuyên dùng, đường được đầu tư xây dựng không phải từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, không do Nhà nước quản lý khai thác thì chủ đầu tư tổ chức bảo trì.

4. Đối với công trình đường thủy nội địa thì đơn vị quản lý đường thủy nội địa theo phân cấp bảo trì.

Điều 9. Trách nhiệm bảo trì đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn

1. Đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn do Ủy ban nhân dân cấp xã đầu tư trên địa bàn xã, phường, thị trấn; các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn không do cấp tỉnh, cấp huyện quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bảo trì.

2. Đối với công trình trạm, trại nghiên cứu và cải tạo giống cây, con; trạm kiểm dịch động vật, thực vật thuộc cấp tỉnh quản lý; kênh trực tạo nguồn Trung ương đầu tư giao tỉnh quản lý; kênh ranh biên giới, ranh tỉnh, ranh huyện, thành phố; kênh liên huyện, thành phố; công trình đê điều do tỉnh quản lý thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức bảo trì theo phân cấp.

3. Đối với công trình trại giống cây, con thuộc cấp huyện quản lý; các công trình thủy lợi, đê điều trừ các công trình được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức bảo trì theo phân cấp.

4. Đối với các công trình nông nghiệp, thủy lợi thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì chủ sở hữu công trình có trách nhiệm bảo trì từ nguồn vốn của mình.

Điều 10. Trách nhiệm bảo trì đối với công trình khác

1. Đối với các công trình đầu tư theo phương thức PPP:

a) Doanh nghiệp dự án có trách nhiệm bảo trì công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong quá trình vận hành, kinh doanh;

b) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, vận hành, kinh doanh thực hiện bảo trì công trình, cơ sở hạ tầng sau khi nhận bàn giao công trình, cơ sở hạ tầng theo quy định đối với các dự án BOT, BLT, BTO, BTL.

2. Đối với công trình của các cơ quan do Trung ương quản lý đóng trên địa bàn Tỉnh và các công trình khác không thuộc quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Quy định này thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm bảo trì.

Điều 11. Nguồn vốn bảo trì

Căn cứ hình thức sở hữu và quản lý sử dụng công trình thì chi phí cho công tác bảo trì được hình thành từ một nguồn vốn hoặc kết hợp một số các nguồn vốn sau: Vốn nhà nước ngoài đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước,

nguồn thu từ việc khai thác, sử dụng công trình xây dựng; nguồn đóng góp và huy động của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác; trình tự, thủ tục bảo trì, sửa chữa công trình được thực hiện theo quy định pháp luật tương ứng với từng nguồn vốn.

Điều 12. Đánh giá an toàn công trình

1. Công trình quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng phải được chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn của công trình xây dựng trong quá trình vận hành và sử dụng; riêng các công trình thuộc danh mục do Bộ Xây dựng hoặc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quy định, báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình được gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại khoản 2 Điều này tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình.

2. Trừ các công trình nằm trên địa bàn 02 tỉnh trở lên do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tiếp nhận, thẩm quyền tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình như sau:

a) Sở Xây dựng tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng, dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị), dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp khác được thực hiện trên địa bàn Tỉnh; trừ các công trình quy định tại điểm đ khoản này.

b) Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông trừ các công trình quy định tại điểm a, điểm đ khoản này.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn trừ các công trình quy định tại điểm đ khoản này.

d) Sở Công thương tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp trừ các công trình quy định tại điểm a, điểm đ khoản này.

đ) Ban quản lý Khu kinh tế tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với các công trình trong khu công nghiệp; các công trình được giao quản lý trực tiếp trong khu kinh tế, cụm công nghiệp (đã được giao đất).

Điều 13. Rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình

1. Cơ quan có thẩm quyền nêu tại khoản 2 Điều 12 Quy định này theo trách nhiệm quản lý thực hiện rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình trong Tỉnh; quy định lộ trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình đối với các công trình theo quy định.

2. Đối với các công trình quy định tại khoản 1 Điều này chưa xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh để tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình đối với các công trình theo quy định.

Điều 14. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng

1. Khi phát hiện hạng mục công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện các nội dung nêu tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Khi phát hiện hoặc nhận được thông tin hạng mục công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thì chính quyền địa phương có trách nhiệm thực hiện các nội dung nêu tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Cơ quan có thẩm quyền nêu tại khoản 2 Điều 12 Quy định này chủ trì thực hiện các quy định tại điểm c khoản 2 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm có thể dẫn tới nguy cơ sập đổ.

Điều 15. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình xác định thời hạn sử dụng của công trình theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình.

2. Đối với công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng, trừ công trình nằm trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, trong thời hạn tối thiểu 12 tháng trước khi công trình hết thời hạn sử dụng, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền nêu tại khoản 2 Điều 12 Quy định này về thời điểm hết thời hạn sử dụng công trình và dự kiến phương án xử lý đối với công trình sau khi hết thời hạn sử dụng.

3. Sau khi nhận được báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm công bố công trình xây dựng hết thời hạn sử dụng trong danh mục trên trang thông tin điện tử của mình.

4. Đối với công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp trừ đối tượng nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân, công trình nằm trên địa

bàn 02 tỉnh trở lên, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố;

b) Tổ chức gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có) để đảm bảo công năng và an toàn sử dụng;

c) Gửi 01 bản báo cáo kết quả thực hiện công việc quy định tại điểm a, điểm b khoản này đến cơ quan có thẩm quyền nêu tại khoản 2 Điều 12 Quy định này và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan để được xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình, trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ; thời hạn xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình của các cơ quan có thẩm quyền là 14 ngày kể từ khi nhận được báo cáo;

d) Căn cứ kết quả thực hiện các công việc quy định tại điểm a, điểm b khoản này và ý kiến của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản này, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình quyết định và chịu trách nhiệm về việc tiếp tục sử dụng công trình.

5. Cơ quan có thẩm quyền nêu tại khoản 2 Điều 12 Quy định này có trách nhiệm thực hiện các nội dung công việc nêu tại khoản 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình không đủ cơ sở để xác định được thời hạn sử dụng và công trình chưa xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình.

Chương IV

GIẢI QUYẾT SỰ CỐ TRONG THI CÔNG VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH

Điều 16. Giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Ủy ban nhân dân Tỉnh chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp I, cấp II và sự cố công trình xây dựng cấp III thuộc dự án do Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định đầu tư.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giải quyết sự cố đối với sự cố cấp III trên địa bàn quản lý, trừ sự cố công trình nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 17. Giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng

1. Ủy ban nhân dân Tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân các sự cố cấp I, cấp II và sự cố công trình cấp III thuộc dự án do Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định đầu tư, trừ giám định nguyên nhân sự cố các công trình theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân các sự cố cấp III thuộc thẩm quyền giải quyết, quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy định này.

Điều 18. Khai báo, điều tra, báo cáo và giải quyết sự gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình

1. Đối với sự cố tai nạn lao động xảy ra trong thi công xây dựng công trình thì việc khai báo, điều tra, báo cáo và giải quyết sự cố thực hiện theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Đối với sự cố sập đổ máy, thiết bị phục vụ công tác thi công xây dựng (sau đây gọi là sự cố về máy, thiết bị) việc khai báo, báo cáo và giải quyết sự cố thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền chủ trì điều tra sự cố về máy, thiết bị xảy ra trên địa bàn Tỉnh trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP như sau:

a) Ủy ban nhân dân Tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng chủ trì điều tra sự cố về máy, thiết bị dẫn đến chết người hoặc làm bị thương nặng từ hai người trở lên trên địa bàn Tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì điều tra sự cố về máy, thiết bị trong các trường hợp còn lại trên địa bàn quản lý.

4. Riêng trường hợp sự cố về máy, thiết bị không thuộc danh mục máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt sử dụng trong thi công xây dựng công trình và không làm bị thương nặng hoặc gây chết người thì chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì tổ chức điều tra và giải quyết sự cố về máy, thiết bị.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, khi có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định./.